TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 21/ 11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN -TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hà
Ông Lê Văn Kim
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/HSST ngày 31/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/HSST - QĐ ngày 08/11/2019 đối với bị cáo:

Lê Văn N - sinh năm: 1993.
Nơi sinh: xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ĐKNKTT: xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn B và bà Phạm Thị N; chưa có vợ con; tiền sự: Không;
Tiền án:

- Ngày 25/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội:" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (phạm tội ngày 02/5/2012).
- Ngày 18/10/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về các tội: " Cướp giật tài sản", " Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 25/7/2012 buộc bị cáo phải chấp hành là 07 năm 03 tháng tù. Đến ngày 07/7/2018 chấp hành xong án phạt tù (phạm tội ngày 17/4/2012 và ngày 09/02/2012). Bản án ngày 18/10/2012 không xác định bản án ngày 25/7/2012 là tái phạm).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2019 đến ngày 13/6/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:
- Anh Lâm Xuân H - sinh năm 1984. (Có mặt).
Địa chỉ: xã Q, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1988. (Có mặt).
Địa chỉ: xã V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Bá Q - sinh năm 2000. (Có mặt).
Địa chỉ: xã L, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Ông Lê Văn T1 - sinh năm 1956. (Có mặt).
Địa chỉ: xã S, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Lê Văn T2 - sinh năm 1990. (Vắng mặt).
Địa chỉ: xã N, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Vũ Xuân T3 - sinh năm 1984. (Có mặt).
Địa chỉ: xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Ông Mai Xuân M - sinh năm 1949. (Có mặt).
Địa chỉ: xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1993. (Vắng mặt).
Địa chỉ: xã Q, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1984. (Vắng mặt).
Địa chỉ: thị trấn V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Nguyễn Văn T5 - sinh năm 1981. (Vắng mặt).
Địa chỉ: xã Đ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 10/5//2019, Lê Văn N đi xe ôm từ thành phố Thanh Hóa đến xã Q, huyện Đông Sơn để vào nhà bạn chơi. Khi đi đến địa phận xã Q, huyện Đông Sơn, N nhìn thấy nhà anh Lâm Xuân H có treo biển quảng cáo cho thuê phông rạp đám cưới, kèm theo số điện thoại nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, Lê Văn N điện thoại hỏi " Có phải nhà chị cho thuê phông rạp đám cưới không" thì chị Hà (vợ anh H) trả lời: " đúng rồi" nên N nói " Em muốn thuê phông rạp đám cưới cho nhà vợ", chị Hà trả lời" Chú đợi tí, để chị gọi điện cho chồng chị về " nên N đứng ngoài cổng đợi.

Khoảng 30 phút sau, anh Lâm Xuân H đi xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, màu sơn trắng, BKS 36B2-338.83, là xe mượn của chị Nguyễn Thị T4 (hàng xóm) về nhà. Gặp Lê Văn N đang đứng trước cổng, anh H hỏi "Chú hỏi thuê phông rạp à", N trả lời "Vâng", sau đó anh H bảo N đi vào trong nhà uống nước nói chuyện. Tại đây, Lê Văn N nói với anh Hoài "Anh lên cho em danh sách các đồ cần thiết trong đám cưới, em muốn thuê phông rạp đám cưới cho cả nhà gái ở xã Đông Nam" nên anh H đã thống kê các đồ vật cho N. Trong khi anh Lâm Xuân H đang liệt kê danh sách các đồ vật để phục vụ cho đám cưới thì Lê Văn N giả vờ điện thoại cho một người rồi nói: "Chị có nhà không, cho em mượn ít tiền để đặt cọc tiền thuê phông rạp đám cưới". Điện thoại xong N nói với anh H "Anh cho em mượn cái xe máy để em đi ra nhà bà Lồng (là hàng xóm của anh H) lấy tiền đặt cọc cho anh". Do tin tưởng lời nói của N là thật nên anh H đã đồng ý rồi đưa chìa khóa xe mô tô cho N.

Sau khi lừa được xe, Lê Văn N chạy ra khu Công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam rồi vào hiệu sửa xe máy của anh Đặng Văn T, ở thôn Thần Nữ, xã Bạch

Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam gạ bán xe nhưng anh Toàn không mua mà gọi cho anh Nguyễn Văn T6 thôn Hoàng Lý, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (là bạn buôn bán xe máy cũ với anh T6) mua xe với giá là 7.000.000 đồng, kèm theo đăng ký xe. Trước khi giao xe cho anh Nguyễn Văn T5, Nghị đã lấy trong cốp xe 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Duy T7; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ thanh toán Plus Sacombank mang tên Nguyễn Thị T4 bỏ vào ví của mình rồi ra Hà Nội rồi ăn tiêu hết số tiền trên. Trong khi Lê Văn N đang lang thang ở thành phố Hà Nội thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ đồng thời T4 giữ vật chứng gồm: 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Duy T7; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T4; 01 thẻ thanh toán Plus Sacombank mang tên Nguyễn Thị T4 do Lê Văn N đang cất giấu trong người.

Ngày 30/5/2019, Hội đồng định giá T2 sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Sơn định giá tài sản chiếc xe mô tô BKS 36B2-338.83, nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLADE, màu sơn trắng tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 15.000.000 đồng (BL 15,16).

Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn trả lại cho chị Nguyễn Thị T4 các loại giấy tờ trên. Đối với chiếc xe mô tô, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã ra thông báo truy tìm vật chứng. Hiện chưa thu giữ được tang vật.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Lê Văn N còn nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại một số huyện Triệu Sơn, Như Xuân và Nông Cống. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào sáng ngày 09/3/2019, Lê Văn N hẹn gặp để trả tiền nợ cho chị Nguyễn Thị T tại ngã ba Sim, thuộc xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn. Khi thấy chị T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION màu trắng, BKS 36B4-101.02 đến thì N đã nảy sinh ý định lừa xe để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi gặp nhau, Lê Văn N đã rủ chị T vào quán cơm "Thập Quỳnh" ở ngã ba Sim để ăn. Trong lúc chờ đợi quán chuẩn bị cơm, N nói với chị T "Chị cho em mượn cái xe để em đi lấy tiền trả nợ cho chị và đón bạn đến ăn cơm cùng". Do tin tưởng N nên chị T đã đưa chìa khóa xe cho N. N đi xe lên huyện Cẩm Thủy để đón bạn tên B do có hẹn từ trước. Khi gặp B, N chở B đi xuống thành phố Thanh Hóa mục đích để cầm cố chiếc xe mô tô lừa được của chị T. Trên đường đi, khi đi đến thị trấn V, huyện Thiệu Hóa thì gặp T8 ((là bạn cùng chấp hành án tại Trại giam) nên hỏi "Mi có biết chỗ nào cầm cố xe không, chỉ cho anh đi cắm cái xe", T8 trả lời "có". Sau đó, T8 dẫn N đến gặp anh Nguyễn Văn L ở thị trấn V, huyện Thiệu Hóa. Tại đây, N nói với anh L "Anh cho em cắm cái xe này lấy 10.000.000đ ". Anh L hỏi "Có giấy tờ gì không" thì N nói "Đây là xe của vợ em nên vợ em cầm giấy tờ rồi" nên anh L đồng ý cho N cắm chiếc xe với số tiền 10.000.000đ, đồng thời bảo N phô tô chứng minh nhân dân để giữ lại và hẹn N 10 ngày sau đến lấy xe và trả tiền cho anh L. Sau khi cắm xe, N đã ăn tiêu hết số tiền trên.

Ngày 23/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Triệu Sơn định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION màu trắng, BKS 36B4 - 101.02 tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 20.000.000đ (BL 343).

Ngày 28/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã trả lại chiếc xe mô tô kèm theo 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank cho chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật (BL 160, 161).

Vụ thứ hai: Vào ngày 11/4/2019, Lê Văn N đến nhà ông Lê Văn T1 ở xã S, huyện Nông Cống để chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, thấy ông T1 chuẩn bị đi đổi chiếc máy bơm nước của gia đình nên N đã nảy sinh ý định lừa xe mô tô nên đã nói với ông T1 "Bác để cháu chở đi". Nghe N nói nên ông Lê Văn T1 đồng ý rồi giao xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ đen, BKS 36B2-463.11 cho Nghị điều khiển. Sau khi đi đổi xong máy bơm nước, Lê văn N chở ông T1 về, đến xã S, N dừng xe lại rồi nói với ông T1 "Bác đứng đây đợi cháu đi đón bạn tí". Tưởng thật nên ông T1 đã đồng ý và xuống xe.

Sau khi lừa được xe cùng với chiếc máy bơm nước nhãn hiệu National đang để trên xe, Lê Văn N đi lên huyện Thọ Xuân rồi gọi điện cho T9 là bạn xã hội (N không biết địa chỉ) bán chiếc xe được 5.000.000đ; còn chiếc máy bơm N khai trên đường di chuyển đến huyện Thọ Xuân đã vứt bỏ chiếc máy bơm xuống dọc đường. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy. Số tiền bán xe, N sử dụng chi tiêu cá nhân hết (BL 195).

Ngày 28/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ-đen, BKS 36B2-463.11 tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 10.000.000đ. Chiếc máy bơm nước nhãn hiệu National có giá trị 800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 10.800.000đ. Hiện nay Cơ quan điều tra chưa thu giữ được tang vật (BL 188, 189).

Vụ thứ ba: Vào chiều ngày 26/4/2019, Lê Văn N đến nhà ông Mai Xuân M ở xã T, huyện Nông Cống để chơi. Trong lúc gia đình ông M đang ngồi ăn cơm, Nnhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu đỏ - đen, BKS 36P9-3831 của anh Mai Xuân N (là con trai ông M) nên đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt nên đã nói với ông M "Bác cho cháu mượn xe để cháu lên thị trấn Bến Sung gặp người yêu". Tưởng thật nên ông M đã đồng ý.

Sau khi lừa được xe, N điều khiển ra thành phố Thanh Hóa rồi gửi lên xe khách và đi cùng ra tỉnh Hà Nam. Tại đây, N đã liên lạc với 01 người đàn ông tên Hà Văn D ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam bán chiếc xe mô tô trên được 6.000.000 đồng. Số tiền trên N đã ăn tiêu cá nhân hết.

Theo báo cáo của ông Mai Xuân M, khi cho N mượn xe trong cốp xe có 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Mai Xuân N; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mai Xuân N; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và chứng minh thư nhân dân mang tên Mai Xuân M và 2.000.000đ tiền mặt.

Quá trình điều tra Lê Văn N khai, đăng ký xe mô tô mang tên Mai Xuân N, N đã bán cùng xe; Chiếc điện thoại di động Nokia 1202 trong quá trình di chuyển N làm rơi trên đường; đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mai Xuân M, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã trả lại cho ông M. Đối với số tiền 2.000.000đ ông M khai bỏ trong cốp xe, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khẳng định trong cốp xe không có số tiền như ông M khai và ông M cũng không có yêu cầu đề nghị bồi thường, vì vậy chưa đủ cơ sở để xử lý Nghị về hành vi chiếm đoạt số tiền trên (BL 208, 237, 239a, 239b).

Ngày 28/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu đỏ-đen, BKS 36P9-3831 tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 9.500.000đ. Chiếc điện thoại di động Nokia 1202 trị giá 120.000đ. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 9.620.000đ. Hiện chưa thu giữ được tang vật (BL 188, 189).

Vụ thứ tư: Vào tối ngày 27/4/2019, khi Lê Văn N đang ở Bệnh viện Đa khoa huyện Nông Cống thì có gặp và quen anh Lê Văn T2 ở xã N, huyện Nông Cống. Đến sáng ngày 28/4/2019, N rủ anh T2 đi ăn sang thì anh T2 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu trắng- nâu, BKS 36R8-4829 chở N cùng đi. Trên đường đi, Lê Văn N đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T2 nên khi đến quán, N đã chủ động gọi 03 (ba) bát phở rồi nói dối với anh T2 là còn một người bạn của N sẽ đến ăn sáng cùng. Sau đó, N nói với anh T2 là "Cho tôi mượn xe để đi đón bạn". Tưởng thật nên anh T2 đồng ý đưa chìa khóa xe cho N. Sau khi lừa được xe, Lê Văn N chạy ra thành phố Thanh Hóa rồi gửi lên xe khách và đi cùng ra tỉnh Hà Nam. Tại đây, N đã liên lạc với Hà Văn D rồi bán chiếc xe mô tô trên được 4.500.000đ. Số tiền trên N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu trắng - nâu, BKS 36R8 - 4829, tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 7.500.000đ. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu giữ được tang vật (BL 188, 189).

Vụ thứ năm: Sáng ngày 30/4/2019, Lê Văn N gọi điện rủ anh Lê Bá Q (là bạn) lên thác Đồng Quan, huyện Như Xuân để đi chơi. Anh Q đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RSX màu đen-xám, BKS 36B6-837.69 đến nhà đón N. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, trên đường về đến dốc Trầu thuộc thôn Cát Tiên, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân thì N đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt xe của anh Q nên rủ anh Q rẽ vào một quán nước ven đường. Khi đang ngồi uống nước thì N hỏi anh Q "Cho anh mượn xe anh đi đón bạn tí", tưởng thật, anh Q đồng ý rồi đưa chìa khóa xe cho N. Sau khi lấy được xe, Lê Văn N điều khiển xe ra huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Sau đó, đã liên lạc với Hà Văn D bán chiếc xe mô tô trên được 5.500.000đ. Số tiền trên N sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 21/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như Xuân đã định giá tài sản chiếc xe mô tô BKS 36B6-837.69, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu đen - xám tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 20.286.000đ. Hiện chưa thu giữ được tang vật (BL 272.)

Vụ thứ sáu: Chiều ngày 02/5/2019, N đến nhà anh Vũ Xuân T3 ở xã V, huyện Nông Cống để chơi. Trong lúc gia đình anh T3 ngồi ăn cơm, N nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS 36B6 - 701.46, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn đen - cam của anh T3 nên đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt. N nói dối anh T3 là "Em sắp làm đám cưới nhưng chưa có nơi thuê phông rạp, anh có biết chỗ nào thì chỉ em với", anh T3 đồng ý đi cùng N đến nhà anh Đậu Tam T10 ở, xã V, huyện Nông Cống để hỏi thuê phông rạp. Tại nhà anh T1, N nói với anh T3 "Anh cho em mượn xe lên nhà chị gái để lấy tiền đặt cọc". Anh T3 đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô cho N mượn xe, sau khi lấy được xe N điều khiển xe đi ra thành phố Thanh Hóa và gửi chiếc xe mô tô lên xe khách và đi cùng ra tỉnh Hà

Nam. Sau đó liên lạc với Hà Văn D và bán chiếc xe mô tô trên cho D với giá 10.000.000đ. Số tiền trên N sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống đã định giá tài sản chiếc xe mô tô BKS 36B6 - 701.46 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn Đen-cam tại thời điểm tháng 5/2019 có giá trị là 41.000.000đ. Hiện chưa thu giữ được tang vật (BL 188, 189).

Quá trình điều tra bị can Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này có đối tượng Hà Văn D ở xã T, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam có hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo lừa đảo mà có. Quá trình điều tra, xác minh trên địa bàn xã T, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam không có đối tượng nào có tên và địa chỉ như trên.

Đối với Nguyễn Văn T5 ở xã Đ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và anh Nguyễn Văn L ở thị trấn V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa có hành vi mua xe và cầm cố xe máy do bị cáo lừa đảo. Quá trình điều tra làm rõ trước khi mua xe và cho cầm cố xe anh T5, anh L không biết đó là tài sản do bị cáo lừa đảo mà có nên không đủ cơ sở để xử lý.

Đối với các đối tượng T8, T9, B có hành vi mua xe và môi giới cho N bán chiếc xe mô tô trộm cắp cho anh Nguyễn Văn L. Cơ quan điều tra không có địa chỉ cụ thể của T8, T9, B nên không có cơ sở để xác minh, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 27/CT - VKSĐS ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đông Sơn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề N HĐXX căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; xử phạt bị cáo: Lê Văn N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại giá trị những chiếc xe máy, máy bơm nước và điện thoại mà bị cáo đã lừa gồm: Anh Lâm Xuân H: 15.000.000đ, ông Lê Văn T1: 10.800.000đ, ông Mai Xuân M: 9.620.000đ, anh Lê Văn T2: 7.500.00đ, anh Lê Bá Q: 20.286.000đ, anh Vũ Xuân T3: 41.000.000đ.

Đối với chiếc xe và các loại giấy tờ bị cáo lừa của chị Nguyễn Thị T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã trả lại cho chị T nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T5 là người đã mua chiếc xe máy BKS 36B2-338.83 do bị cáo lừa của anh Lâm Xuân H với giá 7.000.000đ. Khi mua anh T5 không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có, sau khi mua anh T5 đã bán lại cho một người tên H ở Phú Xuyên, Hà Nội không rõ địa chỉ với giá 12.000.000đ nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy dành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Văn T5 bằng vụ kiện dân sự khác nếu có.

Đối với anh Nguyễn Văn L là người đã mua chiếc xe máy BKS 36B4 - 101.02 do bị cáo lừa của chị Nguyễn Thị T với giá 10.000.000đ. Khi mua anh L không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có. Vì vậy buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000đ.

Đối với chị Nguyễn Thị T4 là người cho anh Lâm Xuân H mượn xe, anh H đã để cho bị cáo lừa mất xe. Anh Lâm Xuân H sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại chiếc xe đã mượn cho chị T4.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan, cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/3/2019 đến ngày 10/5/2019 Lê Văn Nghị đã nhiều lần lợi dụng các mối quan hệ quen biết cũng như dùng các thủ đoạn gian dối để mượn 07 chiếc xe mô tô (trong xe mô tô có 01 số tài sản kèm theo) của các anh Lâm Xuân H, Vũ Xuân T3, Lê Bá Q, Lê Văn T2, Mai Xuân M, Lê Văn T1 và chị Nguyễn Thị T sau đó mang đi bán và cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 124.206.000 đồng *(Một trăm hai mươi tư triệu hai trăm linh sáu nghìn đồng).*

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 174 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn truy tố bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b,c khoản 2 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Lợi dụng sự tin tưởng của bị hai, với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân mà không phải bỏ sức lao động, bị cáo đã dùng lời nói gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo đang có 02 tiền án, là người có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động, vừa mới ra tù vì muốn có tiền tiêu sài nên đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật. Bản án ngày 18/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về các tội: " Cướp giật tài sản", " Trộm cắp tài sản" (phạm tội ngày 17/4/2012 và ngày 09/02/2012). Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 25/7/2012 buộc bị cáo phải chấp hành là 07 năm 03 tháng tù không xác định là tái phạm nên lần phạm tội này của bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 07 lần trở lên nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng " Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Như vậy bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết. Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại giá trị những chiếc xe máy, máy bơm nước và điện thoại mà bị cáo đã lừa gồm: Anh Lâm Xuân H: 15.000.000đ, ông Lê Văn T1: 10.800.000đ, ông Mai Xuân M: 9.620.000đ, anh Lê Văn T2: 7.500.00đ, anh Lê Bá Q: 20.286.000đ, anh Vũ Xuân T3: 41.000.000đ.

Đối với chiếc xe và các loại giấy tờ bị cáo lừa của chị Nguyễn Thị T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T, vì vậy HĐXX không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T5 là người đã mua chiếc xe máy BKS 36B2-338.83 do bị cáo lừa của anh Lâm Xuân H với giá 7.000.000đ. Khi mua anh T5 không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có, sau khi mua anh T5 đã bán lại cho một người tên Hở Phú Xuyên, Hà Nội không rõ địa chỉ với giá 12.000.000đ, HĐXX không có cơ sở xem xét. Vì vậy dành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Văn T5 bằng vụ kiện dân sự khác nếu có.

Đối với anh Nguyễn Văn L là người đã mua chiếc xe máy BKS 36B4 - 101.02 do bị cáo lừa của chị Nguyễn Thị T với giá 10.000.000đ. Khi mua anh L không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có. Vì vậy buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000đ là có cơ sở.

Đối với chị Nguyễn Thị T4 là người cho anh Lâm Xuân H mượn xe, anh H đã để cho bị cáo lừa mất xe. Anh H và chị T4 thỏa thuận anh H sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại chiếc xe đã mượn cho chị T4.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b,c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại giá trị những chiếc xe máy, máy bơm nước và điện thoại mà bị cáo đã lừa gồm: Anh Lâm Xuân H: 15.000.000đ, ông Lê Văn T1: 10.800.000đ, ông Mai Xuân M: 9.620.000đ, anh Lê Văn T2: 7.500.00đ, anh Lê Bá Q: 20.286.000đ, anh Vũ Xuân T3: 41.000.000đ.

- Buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000đ

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 5.710.000đ án phí DSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T4ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Đông Sơn;*
- *THADS huyện Đông Sơn;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người có QLNVLQ*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy